

Số: 227/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 727/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà I, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T là chị Nguyễn Thị Anh T1, sinh năm 2002; Địa chỉ: số nhà D, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 08/9/2025).

- *Bị đơn*: Ông Trần Tấn N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà C, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Tấn N là bà Lê Thị Mỹ T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: số A, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 31/12/2025).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm: 1959; Địa chỉ: số nhà B, ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1971; Địa chỉ: số nhà I, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm: 1975; Địa chỉ: số nhà C, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Xuân M là ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số nhà I, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 15/4/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Đặng Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Xuân M, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Thanh T và ông Trần Tấn N thống nhất công nhận nhận tờ giao kèo chuyển nhượng ngày 25/6/1994 giữa ông Trần Tấn N và bà Đặng Thị T4 đối với thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 2b (tờ bản đồ đúng là số 02 theo công văn số 3157 ngày 14/7/2026 của Chi nhánh văn phòng Đ), đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 79 diện tích theo đo đạc thực tế là 2170,2m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1 mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị T4 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

- Buộc bà Đặng Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Xuân M, bà Nguyễn Thị T3 và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 2b (tờ bản đồ đúng là số 02 theo công văn số 3157 ngày 14/7/2026 của Chi nhánh văn phòng Đ), đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 79 diện tích theo đo đạc thực tế là 2170,2m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1 mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị T4 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn N được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công nhận cho ông Trần Tấn N được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 2170,2m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, thuộc thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 2b (tờ bản đồ đúng là số 02 theo công văn số 3157 ngày 14/7/2026 của Chi nhánh văn phòng Đ), đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 79, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp do bà Đặng Thị T4 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất hiện do ông Trần Tấn N quản lý sử dụng).

Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XVII thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa B 465348, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02019/QSDĐ/B1 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Đặng Thị T4 ngày 25/8/1993 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Tấn N.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/8/2023 và ngày 06/02/2026 của Toà án và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVII).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Tấn N có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Xuân M, bà Nguyễn Thị T3 và ông Nguyễn Thanh T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí:

+ Ông Trần Tấn N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông Trần Tấn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên ông Trần Tấn N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010748 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá với tổng số tiền là 1.400.000 đồng, ông T đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Huỳnh Văn Nhựt Minh